ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG MẦM NON BÉ NGOAN 1**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG MẦM NON BÉ NGOAN 1**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh,**  **chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 01 | Nguyễn Thị Kim Sa | Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng |  |
| 02 | Trần Sơn Thu Trang | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
| 03 | Võ Thị Anh Đào | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
| 04 | Đinh Thị Thanh Truyền | Chủ tịch công đoàn | Thư ký Hội đồng |  |
| 05 | Đỗ Thị Hồng Như | Tổ trưởng tổ văn phòng | Ủy viên Hội đồng |  |
| 06 | Phan Thị Phương Nhã | Bí thư chi đoàn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 07 | Đặng Thị Thanh Thúy | Trưởng ban Thanh tra nhân dân | Ủy viên Hội đồng |  |
| 08 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | Tổ trưởng chuyên môn nhà trẻ | Ủy viên Hội đồng |  |
| 09 | Đặng Thị Hoàng Vân | Tổ trưởng chuyên môn khối 3-4 tuổi | Ủy viên Hội đồng |  |
| 10 | Lê Thị Trúc Hiền | Tổ trưởng chuyên môn khối 4-5 tuổi | Ủy viên Hội đồng |  |
| 11 | Nguyễn Hòa Tâm | Tổ trưởng chuyên môn khối 5-6 tuổi | Ủy viên Hội đồng |  |
| 12 | Huỳnh Văn Mẩm | Kế toán | Ủy viên Hội đồng |  |
| 13 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Văn thư | Ủy viên Hội đồng |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2025

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục |  |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 4 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 5 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 9 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 9 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 11 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 11 |
| Mở đầu | 11 |
| Tiêu chí 1.1**:** Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 11 |
| Tiêu chí 1.2**:** Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các Hội đồng khác | 13 |
| Tiêu chí 1.3**:** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 15 |
| Tiêu chí 1.4**:** Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 18 |
| Tiêu chí 1.5**:** Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo | 20 |
| Tiêu chí 1.6**:** Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 22 |
| Tiêu chí 1.7**:** Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 24 |
| Tiêu chí 1.8**:** Quản lý các hoạt động giáo dục | 26 |
| Tiêu chí 1.9**:** Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 27 |
| Tiêu chí 1.10**:** Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 29 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 1* | 32 |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | 32 |
| Mở đầu | 32 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 33 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 34 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 37 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | 39 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 39 |
| Mở đầu | 39 |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn | 40 |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập | 42 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị | 44 |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn | 46 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi | 48 |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 50 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 53 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 53 |
| Mở đầu | 53 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ | 54 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường; | 56 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | 58 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ** | 59 |
| Mở đầu | 59 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non | 59 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ | 62 |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ | 65 |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục | 69 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 71 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 73 |
| Phần IV. PHỤ LỤC | 76 |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | X |

**Kết quả:** Đạt Mức 2.

**2. Kết luận:** Trường đạt Mức 2.

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Mầm non Bé Ngoan 1

Tên trước đây (nếu có): Mẫu giáo Bé Ngoan 1

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Hồ Chí Minh |  | Họ và tên  hiệu trưởng | Nguyễn Thị Kim Sa |
| Huyện/quận /thị xã/thành phố | Hóc Môn |  | Điện thoại | 0907129802 |
| Xã/phường/thị trấn | Thị trấn |  | Fax | Không |
| Đạt CQG | X |  | Website | http://mgbengoan1.hcm.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | Quyết định số 45/QĐ-UBND Hóc Môn, ngày 27 tháng 5 năm 1996 |  | Số điểm trường | 01 |
| Công lập | X |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không |  | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Dân lập | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhóm, lớp** | **Năm học 2019 - 2020** | **Năm học 2020 - 2021** | **Năm học 2021 - 2022** | **Năm học 2022 - 2023** | **Năm học 2023 - 2024** |
| Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 00 | 00 | 01 | 01 | 01 |
| Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 00 | 01 | 01 | 02 | 02 |
| Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi | 02 | 02 | 03 | 03 | 04 |
| Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi | 03 | 04 | 02 | 04 | 04 |
| Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi | 04 | 03 | 02 | 03 | 04 |
| **Cộng** | **09** | **10** | **09** | **13** | **15** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2019 -2020** | **Năm học 2020 -**  **2021** | **Năm học 2021-**  **2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** |
| I | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | 09 | 09 | 17 | 17 | 17 |
| 1 | Phòng kiên cố | 09 | 09 | 17 | 17 | 17 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| II | Khối phòng phục vụ học tập | 00 | 00 | 02 | 02 | 02 |
| 1 | Phòng kiên cố | 00 | 00 | 02 | 02 | 02 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| III | Khối phòng hành chính quản trị | 03 | 03 | 04 | 04 | 04 |
| 1 | Phòng kiên cố | 03 | 03 | 04 | 04 | 04 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| IV | Khối phòng tổ chức ăn | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| V | Các công trình, khối phòng chức năng khác | 00 | 00 | 10 | 10 | 10 |
| 1 | Phòng kiên cố | 00 | 00 | 02 | 06 | 06 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
|  | **Cộng** | **13** | **13** | **34** | **34** | **34** |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 03 năm 2025

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 | 00 | 00 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 02 | 02 | 00 | 00 | 00 | 02 |  |
| Giáo viên | 32 | 32 | 00 | 00 | 09 | 32 |  |
| Nhân viên | 15 | 11 | 01 | 00 | 10 | 00 |  |
| **Cộng** | **50** | **46** | **01** | **00** | **19** | **35** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2019 - 2020** | **Năm học 2020 - 2021** | **Năm học 2021 - 2022** | **Năm học 2022-**  **2023** | **Năm học 2023-2024** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 18 | 20 | 27 | 27 | 32 |
| 2 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 00 | 25/2.00 | 58/4.00 | 83/7.00 | 85/8.00 |
| 3 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)* | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 4 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)* | 198/11.00 | 291/14.55 | 344/13.76 | 362/20.00 | 375/24.00 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 05 | 00 |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |

**4. Trẻ em**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2019 -2020** | **Năm học 2020 -2021** | **Năm học 2021 -2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** |
| 1 | Tổng số trẻ em | 198 | 291 | 344 | 445 | 460 |
|  | Nữ | 70 | 143 | 164 | 215 | 226 |
|  | Dân tộc thiểu số | 02 | 07 | 05 | 13 | 04 |
| 2 | Đối tượng chính sách | 01 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3 | Khuyết tật | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 4 | Tuyển mới | 97 | 180 | 136 | 196 | 155 |
| 5 | Học 2 buổi/ngày | 198 | 291 | 344 | 445 | 460 |
| 6 | Bán trú | 198 | 291 | 344 | 445 | 460 |
| 7 | Tỉ lệ trẻ em/lớp | 198/9  22 | 291/11  26.5 | 344/9  38.2 | 445/13  34.2 | 460/15  30.7 |
| 8 | Tỉ lệ trẻ em/nhóm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 9 | Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 10 | Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 25/1 | 29/1 |
| 11 | Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 00 | 00 | 25/2 | 33/1 | 56/2 |
| 12 | Trẻ em từ 3-4 tuổi | 38/2 | 40/2 | 32/2 | 98/3 | 109/4 |
| 13 | Trẻ em từ 4-5 tuổi | 64/3 | 64/3 | 27/2 | 84/3 | 118/4 |
| 14 | Trẻ em từ 5-6 tuổi | 81/4 | 94/4 | 32/2 | 104/3 | 148/4 |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

1. Tình hình chung của trường

Trường Mẫu giáo Bé Ngoan 1 được thành lập theo Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 27 tháng 03 năm 1996, trường dạy một buổi. Đến năm 2004 đi vào hoạt động bán trú.

Trường nhận Quyết định số 4459/QĐ-UBND Hóc Môn, ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tổ chức lại “Trường Mẫu giáo Bé Ngoan 1” thành “Trường Mầm non Bé Ngoan 1” trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn”.

Trường có 17 nhóm, lớp, tổng diện tích là 8061,90 m2, vị trí trường đặt tại số 810 đường Song hành, Quốc lộ 22, khu phố 4, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

# Nhà trường luôn được sự quan tâm của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn cũng như chính quyền các cấp. Chi bộ Đảng hoạt động dưới sự quản lý của Đảng uỷ thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn. Đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ cho hoạt động của nhà trường. Sự phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ trẻ em hỗ trợ tốt về mặt tinh thần tạo động lực cho đội ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, giúp nhà trường nhiều năm liền đạt danh hiệu Bằng khen Thành phố,Tập thể Lao động xuất sắc và Tập thể Lao động tiên tiến, Chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ, Công đoàn và Chi đoàn đạt vững mạnh.

# Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, luôn nhiệt tình, năng động sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ, tạo được niềm tin với các cấp lãnh đạo, cha mẹ trẻ và toàn xã hội. Đó cũng là nguồn động lực giúp cho đội ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Mục đích tự đánh giá

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, trường Mầm non Bé Ngoan 1 đã triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non theo nội dung tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Qua đó, giúp nhà trường chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu đối với công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ đó đề ra kế hoạch cải tiến phù hợp với tình hình thực tế nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đồng thời thông báo công khai với cơ quan nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của đơn vị là cơ sở để huy động sự chung tay của toàn xã hội đầu tư cho giáo dục mầm non.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá

Để thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục đạt hiệu quả nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá vào ngày 05/9/2024, gồm 13 thành viên với đầy đủ các thành phần: cán bộ quản lý, chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn, tổ trưởng chuyên môn giáo viên, văn thư, kế toán, trưởng ban thanh tra nhân dân. Hội đồng tự đánh giá phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên theo chức năng, năng lực của mỗi người để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá và triển khai đến toàn trường nhằm thực hiện tốt công tác tự đánh giá tại đơn vị.

Từ ngày 07/10/2024 đến ngày 06/12/2024 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được chia ra 3 nhóm làm việc: thu thập, xử lý, phân tích và lưu trữ thông tin minh chứng.

Từ ngày 06/12/2024 đến ngày 31/12/2024 các thành viên Hội đồng tự đánh giá viết phiếu đánh giá các tiêu chí, xem xét, kiểm tra các nhóm hoạt động. Thảo luận các nội dung để bổ sung và hoàn thiện các tiêu chí đánh giá. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Viết báo cáo tự đánh giá vào tháng 01/2025.

Công bố báo cáo tự đánh giá qua buổi họp Hội đồng nhà trường và bảng tin đoàn thể vào 10/01/2025 để lấy ý kiến góp ý sau đó hoàn thiện báo cáo.

Hoàn thành báo cáo tự đánh giá vào tháng 10/02/2025.

Kết quả đạt được trong quá trình tự đánh giá chất lượng giáo dục không chỉ dừng lại ở việc hoàn tất các thủ tục của qui trình kiểm định chất lượng giáo dục mà quan trọng hơn là giúp cho nhà trường có cơ sở đánh giá chính xác và thực hiện việc điều chỉnh các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục một cách toàn diện.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu:**

Trường Mầm non Bé Ngoan 1 có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhiệm kỳ 2021-2025, được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn ký duyệt. Có bộ máy, cơ cấu tổ chức hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản; quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; tổ chức nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đúng theo quy định; quản lý các hoạt động giáo dục; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở theo quy định; luôn chú trọng công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ em trong đơn vị. Xây dựng và thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, phòng, chống tai nạn thương tích trong trường mầm non.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

*Mức 2:*

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

*Mức 3:*

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược và phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục [H1-1.1-01]; Thực hiện theo Nghị quyết phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].

b) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản của được Phòng Giáo dục huyện phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường [H1-1.1-03]. Tuy nhiên, hình thức công khai chưa được thực hiện trên cổng thông tin điện tử nhà trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường mầm non một cách cụ thể; đồng thời hiệu trưởng phối hợp Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân nhà trường giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển từng năm học định kỳ theo kế hoạch hằng tháng, hằng quý và học kỳ: giám sát nguồn thu, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của đội ngũ, sự phát triển của trẻ theo từng lĩnh vực, công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi… một cách đầy đủ, tuy nhiên hiệu quả chưa cao bằng trường bạn. [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01]. Chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường. Hiệu quả chưa cao bằng trường bạn.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch chiến lược và phát triển cụ thể để giám sát và thực hiện đạt hiệu quả cao.

**3. Điểm yếu**

Có công khai trên cổng thông tin điện tử nhà trường, chưa được sự tham gia góp ý xây dựng của cộng đồng xã hội nhiều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2025 nhà trường phân công phó hiệu trưởng thực hiện công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trên cổng thông tin điện tử, bảng tin tuyên truyền, phát thanh tuyên truyền… đến cha mẹ trẻ em và cộng đồng xã hội cũng như tiếp thu sự tham gia đóng góp của cha mẹ trẻ em và cộng đồng. Nhà trường thực hiện kế hoạch tuyển sinh các nhóm lớp từ 19-24 tháng đáp ứng nhu cầu ra lớp của trẻ tại địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các Hội đồng khác***

*Mức 1:*

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Bé Ngoan 1 có Hội đồng trường được thành lập theo quy định gồm 11 thành viên [H1-1.2-01]. Bên cạnh đó, nhà trường còn có các Hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng chấm sáng kiến, Hội đồng chấm giáo viên dạy giỏi cấp trường…[H1-1.2-02].

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non, đánh giá, rà soát các chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch năm học, thực hiện từng học kỳ nâng cao chất lượng hiệu quả, công khai, đúng quy trình...[H1-1.2-03].

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá [H1-1.2-04].

Mức 2:

Các hoạt động của nhà trường được thực hiện đạt hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ: giám sát việc thực hiện các nghị quyết, Quy chế dân chủ không để xảy ra trường hợp đội ngũ giáo viên, nhân viên, tổ chức tốt phong trào thi đua khen thưởng, phát huy tính tích cực. Tuy nhiên các thành viên trong Hội đồng trường luôn có sự thay đổi nên công tác phối hợp, kiểm tra, rà soát định kỳ còn gặp khó khăn, hiệu quả chưa đạt mức tối đa [H1-1.2-04].

**2. Điểm mạnh**

Trường thành lập các Hội đồng theo đúng quy định và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đạt hiệu quả cao.

**3. Điểm yếu**

Các thành viên trong Hội đồng trường luôn có sự thay đổi (Bí thư Chi đoàn), nên công tác phối hợp và kiểm tra, rà soát định kỳ của các thành viên trong Hội đồng trường còn gặp một ít khó khăn nên hiệu quả chưa đạt mức tối đa.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2025, Hội đồng trường cần nắm bắt tâm tư nguyện vọng của đội ngũ giáo viên, nhân viên trong đơn vị, tham mưu đưa vào Hội đồng trường những thành viên vững chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm sẽ giúp việc cho Hội đồng trường và các hội đồng khác, quản lý tốt công tác bàn giao khi có sự thay đổi nhân sự trong Hội đồng, đảm bảo tính kế thừa, phối hợp hỗ trợ nhân sự mới để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, ít nhất có 01 năm* hoàn thành tốt nhiệm vụ; các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động*

*của nhà trường.*

*Mức 3:*

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm* hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Tổ chức công đoàn cơ sở của trường gồm 50 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-02]; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trực thuộc Đoàn thị trấn [H1-1.3-03]. Các tổ chức xã hội: Hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-04]; Hội Khuyến học [H1-1.3-05].

b) Ban chấp hành Công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn, nhiều năm liền đạt Công đoàn vững mạnh và Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-02]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đạt Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền [H1-1.3-03]; Hội Chữ thập đỏ hoạt động theo kế hoạch của Hội Chữ thập đỏ huyện Hóc Môn [H1-1.3-04]; Hội Khuyến học hoạt động theo kế hoạch của Hội Khuyến học thị trấn [H1-1.3-05].

c) Hằng năm, các đoàn thể và các tổ chức khác được rà soát, đánh giá từ năm 2019 đến 2024 Công đoàn cơ sở đạt vững mạnh và Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-02]; Chi đoàn đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03]; Hội Chữ thập đỏ hoạt động theo kế hoạch của Hội Chữ thập đỏ huyện Hóc Môn [H1-1.3-04]; Hội Khuyến học hoạt động theo kế hoạch của Hội Khuyến học thị trấn [H1-1.3-05].

Mức 2:

a) Nhà trường có Chi bộ Đảng trực thuộc Đảng ủy thị trấn Hóc Môn, Bí thư Chi bộ là hiệu trưởng. Chi bộ có 18 Đảng viên (03 cán bộ quản lý, 11 giáo viên và 04 nhân viên), định kỳ hằng tháng tổ chức sinh hoạt đúng quy định để đánh giá công tác xây dựng Đảng, các hoạt động trong nhà trường và chỉ đạo các hoạt động đoàn thể [H1-1.3-01]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Chi bộ đạt “Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-01].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường, Công đoàn vận động các phong trào thi đua thao giảng, dạy tốt, thi giáo viên giỏi, viết sáng kiến kinh nghiệm, vận động đóng góp ủng hộ các phong trào, các cuộc vận động xã hội như đóng góp tiền xây dựng nhà tình nghĩa, hiến máu nhân đạo, đóng góp cho quỹ vaccine... Đoàn thanh niên thực hiện các công trình thanh niên như vườn hoa, vườn rau và giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng [H1-1.3-01]; Hội Chữ thập đỏ đóng góp theo kế hoạch vận động của huyện [H1-1.3-04]; Hội Khuyến học nhà trường hỗ trợ cho các hoạt động nhà trường, chăm lo cho trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.3-05].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 05 năm đạt Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường như: hỗ trợ văn nghệ, các hội thi của thị trấn, nhưng còn hạn chế trong việc đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng.

**2. Điểm mạnh**

Trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động tích cực theo chức năng, nhiệm vụ của cấp trên quy định.

**3. Điểm yếu**

Trường còn một vài phong trào chưa đạt thành tích cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2025 và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức của các đoàn thể và các tổ chức khác hoạt động ổn định đúng theo quy định, giữ vững các danh hiệu, thành tích đã đạt được, Ban chấp hành các đoàn thể, các tổ chức của nhà trường thường xuyên liên hệ mật thiết với các tổ chức chính trị-xã hội địa phương phối hợp cùng tổ chức các hoạt động đa dạng phong phú để đạt hiệu quả cao hơn việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng cho đội ngũ và trẻ tốt hơn để đem lại hiệu quả trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, phát triển nhà trường cũng như tổ chức nhiều phong trào thiết thực hơn cho cộng đồng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

*Mức 1:*

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

*Mức 2:*

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

*Mức 3:*

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2024-2025, Trường Mầm non Bé Ngoan 1 với quy mô 17 nhóm, lớp nên được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn bố trí gồm 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng [H1-1.4-01].

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định: 04 tổ giáo viên (01 tổ giáo viên nhóm trẻ, 01 tổ giáo viên mẫu giáo 3-4 tuổi; 01 tổ giáo viên mẫu giáo 4-5 tuổi; 01 tổ giáo viên mẫu giáo 5-6 tuổi), 01 tổ văn phòng (gồm 03 cán bộ quản lý, 01 kế toán, 01 y tế, 01 văn thư, 01 thủ quỹ, 01 phụ trách công tác bán trú, 03 bảo vệ) và 01 tổ cấp dưỡng (05 cấp dưỡng, 02 phục vụ) [H1-1.4-02].

c) Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động năm học và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định [H1-1.4-03]. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt chuyên môn định kỳ 02 tuần/1 lần [H1-1.4-04].

Mức 2:

Hằng năm, tổ chuyên môn có đề xuất chuyên đề cho trường, năm học 2024-2025 tiếp tục thực hiện chuyên đề “Nâng cao hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong trường mầm non”; “Âm nhạc tiếp cận đa văn hóa”; “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ”, năm học 2023-2024 tiếp tục các chuyên đề “Thực hiện thao tác vệ sinh cho trẻ trong trường mầm non”, “Thực hành thao tác thay và gấp quần áo; ”Làm quen chữ viết”; trong năm học 2024-2025 chuyên đề “Đổi mới hoạt động tạo hình”; “Xây dựng và sử dụng bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ 5 tuổi” và thực hiện chuyên đề mới “Phát triển nhận thức cho trẻ trong trường mầm non” [H1-1.4-05].

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề: Chăm sóc và giáo dục “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động tăng cường vận động cho trẻ; phát triển tình cảm kỹ năng xã hội; tổ chức các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm”; chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng “Tổ chức giờ ăn; xây dựng thực đơn chế biến món ăn”; Tuy nhiên hoạt động chưa bằng trường bạn [H1-1.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Tất cả các tổ đều có kế hoạch hoạt động, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao đạt hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Còn một số trẻ đi học chưa đều nên còn khó khăn trong việc tương tác phụ huynh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 09 năm 2025 và những năm tiếp theo nhà trường duy trì cơ cấu tổ chức các tổ chuyên môn, có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho tổ nhà trẻ và phát huy tốt vai trò của tổ trưởng chuyên môn trong hoạt động tổ, thường xuyên đổi mới hình thức sinh hoạt tổ để các thành viên trong tổ có nhiều cơ hội đóng góp ý kiến xây dựng hoạt động của tổ sôi nổi và đạt hiệu quả cao hơn. Động viên các thành viên trong tổ mạnh dạn đề xuất các biện pháp mới; khuyến khích, tạo điều kiện để giáo viên thực hiện các đề xuất của mình vào thực tế giúp nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn chuyên sâu từng cấp tuổi lần lượt qua các tháng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo***

*Mức 1:*

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

*Mức 2:*

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

*Mức 3:*

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2024-2025 trường có 15 nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi, có đầy đủ hồ sơ quản lý trẻ theo quy định [H1-1.5-01].

+ Nhóm trẻ 19-24, 25-36 tháng: 03.

+ Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 04.

+ Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 04.

+ Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 04.

b) Trường có 419/419 trẻ đạt tỷ lệ 100% trẻ ở nhóm nhà trẻ, lớp mẫu giáo, đạt tỷ lệ 100% học hai buổi/ngày theo Điều lệ trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H1-1.5-01].

c) Trong 05 năm trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Năm học 2024-2025 toàn trường có tổng số 419 trẻ, trong đó có 01 nhóm 19-24 tháng (13 trẻ), 02 nhóm 25-36 tháng (38 trẻ), 04 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi (103 trẻ), 04 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (132 trẻ), 04 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi (133 trẻ) [H1-1.5-01]. Số trẻ của lớp đảm bảo theo Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Nhà trường có 17 nhóm, lớp phù hợp với quy định [H1-1.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường phân chia theo đúng độ tuổi và được tổ chức học hai buổi trên ngày, đảm bảo không vượt quá 20 nhóm lớp.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa hoạt động hết số lượng nhóm, lớp do mới chuyển về địa chỉ mới.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2025 và những năm tiếp theo trường tiếp tục duy trì 15 nhóm, lớp hiện có, mở thêm 01 nhóm (nếu cơ học sinh) và sử dụng 01 phòng tổ chức hoạt động vui chơi cho 02 nhóm trẻ trên tầng và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục để có nhiều phụ huynh gửi con em vào trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

*Mức 1:*

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

*Mức 2:*

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

*Mức 3:*

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hồ sơ, sổ sách của nhà trường được thực hiện và lưu trữ theo quy định: hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-01]; hồ sơ thi đua [H1-1.6-02]; hồ sơ kiểm tra bộ phận [H1-1.6-03]; sổ công văn đi, đến [H1-1.6-04]; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất [H1-1.6-05]; hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-06].

b) Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-07]; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-08]. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-09].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-05].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm cơ sở dữ liệu giáo dục [H1-1.6-10]. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS [H1-1.6-11].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Hóc Môn hằng quý, hằng năm [H1-1.6-07].

Mức 3:

Trường có xây dựng kế hoạch ngắn hạn, dài hạn tuy nhiên chưa xây dựng kế hoạch trung hạn và để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để nâng cao công tác hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Trường có xây dựng kế hoạch ngắn hạn, dài hạn tuy nhiên chưa xây dựng kế hoạch trung hạn và để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp, vận động tài trợ phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2025 và những năm tiếp theo hiệu trưởng sẽ tham mưu chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ trẻ em xây dựng kế hoạch trung hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.***

*Mức 1:*

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

*Mức 2:*

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu truởng có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao tay nghề cho đội ngũ giáo viên, nhân viên qua đó nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, tổ chức cho đội ngũ tham gia học tập bồi dưỡng thường xuyên, nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ [H1-1.7-01].

b) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng bảng phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, theo năng lực, hoàn cảnh, sức khoẻ đảm bảo hoạt động được thống nhất và triển khai thực hiện [H1-1.7-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 37 của Điều lệ trường mầm non (Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội) [H1-1.7-03].

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.7-02]; [H1-1.2-04].

**2. Điểm mạnh**

Trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao tay nghề cho đội ngũ giáo viên, nhân viên. Phân công hợp lý đúng người, đúng việc.

1. **Điểm yếu**

Các biện pháp phát huy được năng lực của giáo viên, nhân viên chưa bằng trường bạn vì có nhiều giáo viên mới tuyển.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường cải tiến các biện pháp nhằm phát huy năng lực của giáo viên nhân viên.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

*Mức 1:*

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

*Mức 2:*

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT sửa đổi Chương trình giáo dục mầm non, điều kiện thực tế địa phương, nhà trường và được ứng dụng công nghệ thông tin [H1-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được các tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng lứa tuổi và thực hiện đầy đủ [H1-1.8-02].

c) Kế hoạch giáo dục của các lớp được tổ trưởng chuyên môn và phó hiệu trưởng kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.8-03].

Mức 2:

Công tác kiểm tra các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả như sau: thăm lớp, dự giờ, kiểm tra theo kế hoạch, đột xuất để đánh giá và có biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tại đơn vị. Kết quả có 05 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện năm học 2022-2023, 02 cấp dưỡng đạt cấp dưỡng giỏi cấp huyện năm học 2023-2024, 06 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện năm học 2024-2025; trường đạt danh hiệu Bằng khen thành phố, Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc [H1-1.8-04]. Tuy nhiên, một vài giáo viên mới ra trường soạn kế hoạch, thiết kế giáo án và tổ chức hoạt động cho trẻ chưa linh hoạt, chưa sáng tạo [H1-1.8-03]*.*

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đúng qui định. Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng kế hoạch giáo dục được rà soát và đánh giá, điều chỉnh. Các kế hoạch được thực hiện đầy đủ đảm bảo tính khoa học và tính logic.

**3. Điểm yếu**

Một vài giáo viên soạn kế hoạch và thiết kế giáo án cũng như tổ chức hoạt động học cho trẻ còn chưa linh hoạt, sáng tạo tập trung ở giáo viên mới ra trường.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2025 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục sử dụng mạng nội bộ để chỉ đạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhất là giáo viên mới ra thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp, linh hoạt, sáng tạo hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

*Mức 1:*

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

*Mức 2:*

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà truờng được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trực tiếp về chủ trương, giải pháp thực hiện Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy lề lối làm việc, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu. Được tham gia xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, các chế độ chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức; tham gia góp ý kiến cho các phong trào thi đua trong năm học. Tuy nhiên trong các buổi họp còn một vài giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến.

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện các báo cáo thực hiện Quy chế dân chủ [H1-1.7-03].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường luôn được công khai minh bạch tại các hội nghị, thông qua các buổi họp, niêm yết tại bảng tin của công đoàn, bảng tin trường; nhà trường thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát với các cá nhân, tổ khối... bằng các hình thức gián tiếp, trực tiếp, qua đó giúp nhà trường đánh giá đúng tình hình triển khai, thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; nhận ra những mặt đạt được, những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm, những cách làm tốt để nhân rộng, đem lại hiệu quả cao trong việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường; hằng năm nhà trường đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời báo cáo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-02].

1. **Điểm mạnh**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Trong 05 năm nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Hằng năm, nhà trường thực hiện chế độ báo cáo Quy chế dân chủ cơ sở với các cấp lãnh đạo, đội ngũ đúng theo quy định.

1. **Điểm yếu**

Trong các buổi họp còn một số giáo viên, nhân viên chưa đóng góp ý kiến nhiều.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo công khai, minh bạch về chất lượng giáo dục, công tác thu chi tài chính. Bên cạnh đó chủ động tạo điều kiện giúp giáo viên, nhân viên mạnh dạn hơn khuyến khích các bộ phận tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội qui, qui định, qui chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

*Mức 1:*

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

*Mức 2:*

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã Hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]. Bếp ăn của nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng, đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.10-03]. Có đầy đủ các hồ sơ tiếp nhận, phản ánh và xử lý các thông tin phản ánh của phụ huynh trẻ em [H1-1.10-04].

c) Nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-03].

Mức 2:

a) Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện phương án: đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-05].

b) Nhà trường lắp đặt hộp thư góp ý, có số điện thoại trường, phân công bảo vệ đảm bảo ca trực, xử lý các thông tin phản ánh của người dân liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các phương án đảm bảo an toàn có sự phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể trong thị trấn và huyện, đảm bảo an ninh trật tự trường học cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ. Trong những năm qua, nhà trường chưa xảy ra tình trạng mất an toàn cho trẻ và đội ngũ tại đơn vị.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có phương án và tổ chức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa nhưng chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2025 và những năm tiếp theo, tiếp tục thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; tổ chức bếp ăn cho trẻ đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Tiếp nhận, kịp thời xử lý tốt các thông tin phản ánh của người dân để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em. Hiệu trưởng có kế hoạch trích kinh phí từ nguồn thu của trường mời báo cáo viên về trường phổ biến tập huấn và thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai cho đội ngũ. Sau buổi tập huấn, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch lộ trình để thực hiện hiệu quả trong công tác đảm bảo an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai tại đơn vị.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý cụ thể và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường. Xây dựng dự toán, thực hiện quyết toán theo qui định, có kế hoạch thu chi rõ ràng, công khai tài chính minh bạch, lưu biên bản kiểm tra đầy đủ. Trường có cơ cấu nhóm, lớp đúng theo qui định của Điều lệ trường mầm non. Luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và đội ngũ khi đang sinh hoạt và làm việc tại trường. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng tháng. Công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, tạo động lực để đội ngũ phấn đấu vươn lên, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra. Luôn đạt được thành tích tốt trong các phong trào thi đua của ngành và của trường.

**Điểm yếu cơ bản:**

Trường chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhiều.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10

**Tiêu chuẩn 2:** **Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu:**

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ số lượng và đạt yêu cầu về trình độ quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức, lối sống, có năng lực trong công tác quản lý và chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ tại trường, đáp ứng các yêu cầu đổi mới hiện nay của ngành học.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

*Mức 1:*

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

*Mức 2:*

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

*Mức 3:*

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có thời gian công tác 38 năm, trong đó có 19 năm làm công tác quản lý; phó hiệu trưởng chăm sóc, nuôi dưỡng có thời gian công tác 26 năm với 02 năm làm công tác quản lý; phó hiệu trưởng giáo dục có thời gian công tác 22 năm với 04 năm làm công tác quản lý. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có bằng Thạc sĩ, Đại học Sư phạm mầm non và đã qua lớp Trung cấp lý luận chính trị [H1-1.4-01].

b) Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được nhận xét, góp ý, đánh giá xếp loại từ khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã qua lớp đào tạo quản lý trường mầm non, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng đã qua lớp cử nhân quản lý giáo dục [H1-1.6-01].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại khá trở lên (từ năm 2019 đến năm 2024), theo Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã có giấy chứng nhận Trung cấp lý luận chính trị, được giáo viên và nhân viên tín nhiệm [H1-1.6-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại khá trở lên (từ năm 2019 đến năm 2024), theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Có 03/03-tỷ lệ 100% hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được đánh giá xếp loại từ khá trở lên (từ năm 2019 đến năm 2024) theo Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, có năng lực kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, được sự tín nhiệm cao từ tập thể và phụ huynh.

**3. Điểm yếu**

Còn 01 phó hiệu trưởng chưa qua lớp cử nhân quản lý giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện cho 01 phó hiệu trưởng tham gia lớp cử nhân quản lý giáo dục.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

*Mức 1:*

*a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

*Mức 2:*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3:*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường được Ủy ban nhân dân huyện giao định mức 34 giáo viên trong năm 2023, nhưng thực tế trường chỉ có 32 giáo viên được tuyển dụng, để đảm bảo đủ số lượng, đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp vàđịnh mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, nhà trường đã đăng ký tuyển dụng thêm 02 giáo viên để phân bổ hợp lý theo số lớp [H1-1.7-02].

b) Có 23/31 giáo viên trình độ trên chuẩn (Đại học Sư phạm mầm non) đạt tỷ lệ 74.2%, 08/31 giáo viên trình độ chuẩn (Cao đẳng Sư phạm mầm non) đạt tỷ lệ 25.8% [H2-2.2-02].

c) Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non: có 23/31 giáo viên trình độ Đại học Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 74.2%, 08/31 giáo viên trình độ Cao đẳng Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 25.8% [H1-1.7-02]. Hằng năm, nhà trường có đánh giá xếp loại giáo viên được xếp loại khá-tốt [H2-2.2-02].

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%, căn cứ Luật giáo dục 2019 có hiệu lực tháng 7/2020 [H1-1.6-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

c) Tập thể giáo viên nhà trường luôn cố gắng thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của ngành, của đơn vị và nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-02].

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65% trở lên [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm trường đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên đúng quy định, hằng năm giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp trên 80% ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định, trong đó có 23/31 giáo viên trình độ Đại học Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 74.2%, 08/31 giáo viên trình độ Cao đẳng Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 25.8%.

Đội ngũ giáo viên và nhân viên được phân công kiêm nhiệm đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường tuyển giáo viên chưa đủ theo biên chế giao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục thực hiện công tác tuyển dụng giáo viên vào năm 2025.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

*Mức 1:*

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

*Mức 2:*

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3:*

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 15 nhân viên: 01 kế toán, 01 thủ quỹ, 01 văn thư, 01 y tế, 01 nhân viên bán trú, 05 cấp dưỡng, 03 bảo vệ, 02 phục vụ phụ trách các công việc trên do hiệu trưởng phân công [H2-2.3-01].

b) Nhân viên đa số được qua trường lớp đào tạo chuyên ngành như: 04 cấp dưỡng đã qua Sơ cấp nấu ăn, 01 cấp dưỡng Trung cấp nấu ăn. Nhân viên của trường được phân công công việc phù hợp với chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế của mỗi người. Tuy nhiên, 02 bảo vệ chưa được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.7-02].

c) Đội ngũ nhân viên của nhà trường hoàn thành tốt và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường Mầm non [H2-2.3-02].

Mức 2:

a) Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên: 01 kế toán, 01 thủ quỹ, 01 văn thư, 01 y tế, 01 nhân viên bán trú, 03 bảo vệ, 02 phục vụ, 05 cấp dưỡng [H2-2.3-01]; đảm bảo theo quy định thực hiện có hiệu quả các công việc của nhà trường [H1-1.7-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm như: Kế toán có trình độ Cao đẳng chuyên ngành kế toán; thủ quỹ trình độ Trung cấp kế toán tiền lương; y tế có trình độ Trung cấp y sĩ; văn thư có trình độ Trung cấp Hành chính văn phòng; 01 nhân viên bán trú có trình độ trung cấp kế toán; 04 cấp dưỡng đã qua Sơ cấp nấu ăn và 01 cấp dưỡng có trình độ Trung cấp nấu ăn và 01 bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn [H2-2.2-01].

b) Hằng năm, nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, được hiệu trưởng phân công phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và năng lực cá nhân; luôn hoàn thành công việc được giao và không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

**3. Điểm yếu**

Trường còn 02 bảo vệ chưa được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trường đã lập danh sách và tạo điều kiện cho 02 bảo vệ tham gia lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực, kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình Giáo dục mầm non.

Nhà trường đảm bảo thực hiện tốt việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Hằng năm được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên.

Đội ngũ giáo viên và nhân viên được phân công kiêm nhiệm đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

**Điểm yếu cơ bản:**

Trường còn 02 bảo vệ chưa được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:00/03.

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:**

Nhà trường có diện tích khuôn viên, sân trường; các lớp học: nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, phòng chức năng; khối phòng hành chính quản trị; khu vực nhà bếp; khu nhà vệ sinh cho trẻ, khu nhà vệ sinh cho đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên, hệ thống cấp thoát nước đảm bảo diện tích và quy cách xây dựng theo quy định. Cơ sở vật chất luôn được đầu tư bổ sung theo quy định, phù hợp theo xu hướng hiện đại và nhu cầu phát triển của xã hội, quang cảnh sư phạm nhà trường xanh-sạch-đẹp, cách biệt với khu vực bên ngoài đảm bảo an toàn và giúp trẻ tích cực tham gia các hoạt động học tập, vui chơi phát triển kỹ năng nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

***Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn***

*Mức 1:*

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

*b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

*c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

*Mức 2:*

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

*b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ Hội cho trẻ khám phá, học tập;*

*c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

*Mức 3:*

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có diện tích đất sử dụng là 4993,31 m2/280 trẻ, trung bình 17,83 m2/01 trẻ đáp ứng theo Nghị định 07/2018/VBHN-GDĐT [H3-3.1-01].

b) Cổng chính của nhà trường có biển tên, khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn, kiên cố; đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ theo qui định của Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp với diện tích 1088,26 m2 được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho trẻ vui chơi: có khu chơi cát và nước, khu trò chơi dân gian, khu trò chơi vận động, vườn cây, vườn rau, vườn ươm cho trẻ hoạt động, chăm sóc giúp trẻ khám phá, học tập, đảm bảo an toàn cho trẻ. Tuy nhiên sân chơi trường còn thiếu bóng mát [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Trường Mầm non Bé Ngoan 1 có công trình xây dựng 4993,31 m2 diện tích sân vườn, cây xanh, sân chơi, bãi tập 1088,26/4993,31 m2 và có lối đi nội bộ đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định của Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3907:2011 [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên nhà trường có tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài [H3-3.1-02]; có sân chơi của nhóm, lớp và khu chơi vận động cho trẻ được bố trí phù hợp, sân trường có nhiều cây xanh và ánh nắng tự nhiên giúp trẻ được hoạt động thuận lợi. Bảo vệ thường xuyên chăm sóc, cắt tỉa cây xanh tạo vẻ mỹ quan, ngoài ra vườn cây dành riêng cho trẻ được trồng nhiều loại cây, loại rau, loại hoa tạo cơ hội cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập [H3-3.1-04].

c) Khu vực trẻ chơi được bố trí nhiều thiết bị, lát gạch, phủ thảm cỏ. Các thiết bị, đồ chơi ngoài trời đa dạng về kích thước phù hợp với lứa tuổi, các khu vực đều được ngăn cách với khu để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên; nhà bếp, sân vườn được vệ sinh hàng ngày nhằm đảm bảo vệ sinh sạch sẽ và an toàn cho trẻ khi hoạt động vui chơi ngoài trời [H3-3.1-05].

Mức 3:

Nhà trường có bố trí khu vực riêng, có hiên chơi trong nhà trường đảm bảo cho trẻ tự do vui chơi học tập nhằm phát triển vận động; có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: cầu thăng bằng, bộ đồ chơi liên hoàn, cổng chui, thang leo, xích đu treo, cầu thăng bằng cố định, cột ném bóng, khung thành, xe đạp… Ngoài ra, nhà trường còn bổ sung thêm các thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế để tăng cường cho trẻ vận động, tất cả các đồ chơi luôn được nhà trường kiểm tra thường xuyên, sửa chữa và loại bỏ những vật dụng, đồ chơi không an toàn cho trẻ trong quá trình chơi [H3-3.1-05].

**2. Điểm mạnh**

Trường có diện tích đất, diện tích xây dựng, cây xanh, sân chơi, hiên chơi đảm bảo cho trẻ tự do vui chơi học tập. Các sân chơi được bố trí thành nhiều khu vực với nhiều đồ chơi theo danh mục và ngoài danh mục đúng quy định, cây xanh tạo cảnh quan đẹp và phù hợp với các hoạt động của trẻ theo độ tuổi đáp ứng nhu cầu vui chơi và các hoạt động trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Sân chơi có cây xanh nhưng thiếu bóng mát.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2025 và những năm tiếp theo hiệu trưởng lên kế hoạch phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ em vận động làm mái che cho các khu vực để tạo bóng mát cho trẻ chơi, đồng thời chọn vị trí phù hợp trồng thêm cây xanh theo quy định để nhiều năm sau khu vực này có bóng mát cho trẻ vui chơi.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3.

***Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập***

*Mức 1:*

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

*Mức 2:*

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

*Mức 3:*

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 17 nhóm, lớp nhưng hoạt động có 15 nhóm, lớp: 01 nhóm trẻ 19-24 tháng, 02 nhóm trẻ 25-36 tháng, 04 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 04 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi, 04 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H3-3.2-01].

b) Năm học 2024-2025trường có 17 nhóm, lớp nhưng hoạt động có 15 nhóm, lớp. Đây cũng là nơi sinh hoạt, học tập, vui chơi, ăn và ngủ cho trẻ. Trường có các phòng: 01 phòng giáo dục nghệ thuật; 01 phòng giáo dục thể chất được trang bị đầy đủ các đồ dùng đồ chơi an toàn để trẻ vận động; 01 phòng thư viện được trang bị các loại kệ, tranh truyện phù hợp, có nội quy và đủ bàn ghế giúp cho trẻ thoải mái khi đọc, xem sách. Ngoài ra, các lớp cũng có góc thư viện đáp ứng nhu cầu hoạt động giáo dục trẻ [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

c) Nhà trường có trang bị đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt ở tất cả các lớp và phòng chức năng,có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học; lớp học, phòng chức năng đều có cửa chính, cửa sau và nhiều cửa sổ đảm bảo ánh sáng tự nhiên, thông thoáng trong phòng học [H3-3.2-04].

Mức 2:

a) Diện tích phòng sinh hoạt chung của trẻ: nhóm, lớp nhà trẻ 58,59 m2/01 phòng, bình quân 2,34 m2/01 trẻ; nhóm, lớp mẫu giáo 80,37 m2/01 phòng, bình quân 2,43 m2/01 trẻ; phòng giáo dục nghệ thuật 65 m2; phòng giáo dục thể chất 131,2 m2; hội trường 190,8 m2 có đủ ánh sáng, thoáng mát. Mỗi nhóm, lớp được trang bị tủ đồ dùng cá nhân, máy vi tính, ti vi, đầu đĩa, máy hát, kệ đồ chơi phục vụ hoạt động cho trẻ đảm bảo an toàn, đúng qui cách, bố trí sắp xếp gọn gàng [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]. Tuy nhiên, phòng chức năng chưa lót sàn gỗ, đầu sách ở phòng thư viện chưa đa dạng, phong phú so với số trẻ của trường.

b) Trường có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-05].

Mức 3:

Trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

**2. Điểm mạnh**

Trường có đầy đủ các phòng tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi; các phòng chức năng và tất cả phòng học đều có đủ ánh sáng, được trang bị đủ đồ dùng trang thiết bị hiện đại đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng sẽ sắp xếp bố trí thêm phòng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ.

**5. Tự đánh giá:**ĐạtMức 2.

***Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính-quản trị***

*Mức 1:*

*a) Có các loại phòng theo quy định;*

*b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*

*c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.*

*Mức 2:*

*a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

*b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

*Mức 3:*

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Bé Ngoan 1 có đầy đủ các loại phòng theo quy định như: phòng hội trường, phòng hành chính, phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng nghỉ nhân viên, phòng bảo vệ, phòng kế toán, khu vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên; khu để xe [H3-3.3-01].

b) Trường trang bị đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo yêu cầu cho từng phòng và vị trí công việc như: máy vi tính, máy in, bảng biểu, bàn ghế, tủ để tài liệu, giường y tế, tủ thuốc y tế, cân đo sức khỏe, đèn pin… [H3-3.3-02].

c) Nhà trường có khu để xe riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo an toàn và thuận tiện [H3-3.3-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có phòng họp được sử dụng làm nơi để hội họp và sinh hoạt của các đoàn thể với diện tích 37,29 m², phòng hiệu trưởng diện tích 34,56 m², phòng phó hiệu trưởng diện tích 14,22 m², phòng hành chính tài vụ diện tích 24,94 m²; khu vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng y tế; phòng bảo vệ có diện tích 86,88 m²; các phòng đều có đầy đủ phương tiện làm việc, bàn ghế tiếp khách, máy vi tính, tủ đựng hồ sơ được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp và có các biểu bảng theo quy định; tất cả các phòng đều đảm bảo diện tích theo quy định phòng dành cho nhân viên tại Điều lệ trường mầm non. Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi [H3-3.1-01].

b) Nhà để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên diện tích 187 m² được xây dựng kiên cố nằm chung trong hệ thống công trình chính của trường, đảm bảo an toàn, trật tự, tiện lợi [H3-3.1-01].

Mức 3:

Trường có đủ các phòng: phòng hội họp và sinh hoạt của các đoàn thể, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính tài vụ; phòng y tế; phòng bảo vệ; tất cả các phòng đều đảm bảo theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các phòng hành chính quản trị và khu vực để xe được thiết kế đảm bảo yêu cầu về diện tích và trang thiết bị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011, được bố trí phù hợp nhằm đảm bảo công tác quản lý và phục vụ công tác cho các bộ phận.

**3. Điểm yếu**

Phòng hành chính còn 01 máy in cũ nên chưa bằng trường bạn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2025 nhà trường lên kế hoạch bổ sung máy in cho phòng hành chính.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3.

***Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn***

*Mức 1:*

*a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

*b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

*c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

*Mức 2:*

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

*Mức 3:*

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Bé Ngoan 1 có bếp ăn được xây dựng kiên cố đáp ứng đủ yêu cầu để chế biến thức ăn cho trẻ theo đúng độ tuổi [H3-3.04-01].

b) Nhà trường có kho thực phẩm diện tích 10,8 m² được bố trí trong khu vực nhà bếp thuận tiện cho nhân viên chế biến món ăn và đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.4-02].

c) Trong khu vực nhà bếp, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn [H3-3.4-03].

Mức 2:

Bếp ăn được xây dựng kiên cố, có diện tích 152 m2/280 trẻ, trung bình 0,54/01 trẻ, được thiết kế theo quy trình bếp một chiều [H3-3.4-04]. Sử dụng gas công nghiệp, có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn, với các máy móc thiết bị hiện đại như tủ hấp cơm, tủ sấy chén, máy xay thịt… Ngoài ra, bếp ăn còn có các bảng biểu như: bảng tiếp phẩm, bảng phân lượng thực phẩm sống, bảng phân chia thành phẩm, bảng nội qui, bảng phân công cấp dưỡng [H3-3.4-05]. Có hệ thống hút khói, thoát mùi [H3-3.4-06]. Bảng biểu phục vụ hoạt động bếp ăn [H3-3.4-07]. Có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm cho trẻ, đủ nước sử dụng và được xét nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ [H3-3.4-08].

Mức 3:

Bếp ăn được thiết kế đảm bảo diện tích và tổ chức theo dây chuyền hoạt động bếp một chiều và trang bị đầy đủ đồ dùng trang thiết bị, đảm bảo theo Tiêu chuẩn Quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, quy định tại khoản 1,2 Mục VI Phần II của Quy chuẩn QCVN 07:2010/BYT.

**2. Điểm mạnh**

Trường có bếp ăn đảm bảo diện tích cho mỗi trẻ, được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động bếp một chiều và trang bị đầy đủ đồ dùng trang thiết bị, có đủ nước sạch và xử lý các chất thải đúng theo quy định, đảm bảo phòng, chống cháy nổ, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm. Khu vực rửa chénđã được lót sàn và ốp gạch tường.

**3. Điểm yếu**

Không có.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 8 năm 2025 hiệu trưởng có kế hoạch ốp gạch tường cho khu rửa chén.

**5. Tự đánh giá:** ĐạtMức 3.

***Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi***

*Mức 1:*

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

*Mức 2:*

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

*Mức 3:*

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 ban hành danh mục đồ dùng-đồ chơi-thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.5-01].

b) Ngoài các thiết bị đồ dùng đồ chơi có trong danh mục, nhà trường còn tổ chức cho giáo viên làm đồ dùng đồ chơi, phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính giáo dục an toàn nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi của trẻ trong lớp và ngoài trời; các đồ dùng đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng các nguyên vật liệu thải bỏ [H3-3.5-02].

c) Nhà trường có kế hoạch phân công tổ trưởng chuyên môn, phục vụ, bảo vệ kiểm kê các thiết bị đồ dùng đồ chơi hằng tuần, hằng tháng, hằng năm; yêu cầu đội ngũ thực hiện sổ báo hư tài sản, đồ dùng đồ chơi để cán bộ quản lý phân công bảo vệ hoặc cơ sở bên ngoài sửa chữa kịp thời nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Nhà trường đã trang bị 15 máy tính, trong đó các máy tính trong nhà trường đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên truy cập để sưu tầm những trò chơi, hình ảnh, tài liệu hỗ trợ trong công tác giảng dạy [H3-3.5-04]. Có 12/15 nhóm, lớp có máy tính được nối mạng nội bộ với máy tính của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đem lại hiệu quả trong việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non [H3-3.5-05].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định Điều lệ trường mầm non [H3-3.5-06].

c) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch mua sắm, bổ sung các thiết bị dạy học ngoài danh mục, tổ chức làm đồ dùng đồ chơi để phục vụ cho công tác giảng dạy trong nhà trường [H3-3.5-07].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học trong danh mục, ngoài danh mục và đồ chơi tự làm theo quy định. Các máy tính được kết nối mạng Internet, mạng nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục của giáo viên trong công tác giáo dục trẻ, giúp trẻ hứng thú, tham gia tích cực trong hoạt động của lớp, của trường.

**3. Điểm yếu**

Trường còn 03 lớp chưa có máy vi tính, các máy tính bàn có cấu hình thấp nên việc kết nối mạng Internet, mạng nội bộ để hỗ trợ cho công tác giảng dạy của giáo viên còn nhiều hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 8 năm 2025 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng vận động, tiếp tục trang bị bổ sung máy vi tính đầy đủ nhóm, lớp. Nâng cấp máy tính có cấu hình thấp nhằm phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên. Nâng cấp dung lượng Internet đảm bảo các máy tính trong nhà trường đều truy cập nhanh mạng thông tin.

**5.** **Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

*Mức 1:*

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

*Mức 2:*

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Mỗi lớp học đều có phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật, có đủ bồn tiểu, bồn cầu, có vách ngăn riêng cho trẻ theo giới tính, lavabo cho trẻ rửa tay, có nhà vệ sinh riêng cho giáo viên; có 01 nhà vệ sinh chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, 01 nhà vệ sinh cho nhân viên cấp dưỡng; tất cả phòng vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường và thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

b) Trường có hệ thống thoát nước, cống rãnh được xây có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-03]. Sử dụng nguồn nước máy để chế biến thức ăn, sử dụng nguồn nước giếng trong sinh hoạt và trong vệ sinh cá nhân, có thực hiện xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn [H3-3.4-08]. Các cháu được uống nước khoáng BIDRICO của hộ kinh doanh Hương Phát, có chứng nhận của công ty cung cấp nước [H3-3.6-04].

c) Trường thực hiện ký hợp đồng thu gom rác với Liên hiệp Hợp tác xã thương mại-dịch vụ Hóc Môn; hằng ngày, được vận chuyển đến nơi xử lý tập trung theo các quy định hiện hành, không có rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-05]. Trường có thùng đựng và phân loại rác thải, khu vực hành lang và các lớp có thùng đựng rác thải, khu vực thu gom rác có trang bị nhiều thùng rác lớn, có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ [H3-3.6-06].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh được xây khép kín bên trong các nhóm, lớp liền kề với phòng sinh hoạt chung, nhà vệ sinh nhà trẻ có diện tích 14,355 m2, trung bình 0,57 m2/01 trẻ; lớp mẫu giáo có diện tích 16,06 m2, trung bình 0,48 m2/01 trẻ, thiết bị vệ sinh phù hợp với trẻ, đủ phục vụ cho trẻ vệ sinh cá nhân, được phân chia nam, nữ riêng biệt, thuận tiện cho việc sử dụng và quan sát [H3-3.6-07]. Trường có 17 nhà vệ sinh nhóm, lớp nhưng hoạt động có 10 nhà vệ sinh; có 12 nhà vệ sinh cho nhân viên với diện tích là 9.8 m2 [H3-3.6-08].

b) Trường sử dụng hệ thống cung cấp nước sạch Công ty cổ phần cấp nước Trung An, đảm bảo đủ nước sinh hoạt cho trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.4-08]; [H3-3.6-04]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế: có cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh; có thùng đựng và phân loại rác thải; bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng; khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng, rác được thu gom hằng ngày, không có rác tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-09].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có nhiều khu vệ sinh riêng biệt cho trẻ, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn sạch sẽ, thoáng mát. Có đủ nước sạch sinh hoạt và phục vụ ăn uống. Có hệ thống cấp thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Y tế.

**3. Điểm yếu**

Nhà để rác chung cho toàn trường còn nhỏ so với trường bạn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng có kế hoạch làm rộng thêm nhà để rác cho toàn trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có khuôn viên và các công trình được xây dựng kiên cố, diện tích sân chơi, phòng sinh hoạt chung và hiên chơi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các phòng học, phòng ngủ, phòng ăn, phòng hoạt động giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, bếp ăn được trang bị đầy đủ đồ dùng cho trẻ sinh hoạt đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhà vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

Có hệ thống xử lý nước thải.

Diện tích sân chơi cho trẻ rộng, có cây xanh, hệ thống máy tính được kết nối internet mạng nội bộ phục vụ tốt cho công tác quản lý và công tác dạy học.

**Điểm yếu cơ bản:**

Trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

Trường còn 03 lớp chưa có máy vi tính, các máy tính bàn có cấu hình thấp nên việc kết nối mạng Internet, mạng nội bộ để hỗ trợ cho công tác giảng dạy của giáo viên còn nhiều hạn chế.

**-** Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:**

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ em đúng quy trình và hoạt động đúng theo quy định. Ban đại diện cha mẹ trẻ em luôn chủ động phối hợp với nhà trường thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo đúng kế hoạch đề ra.

Trường thực hiện tốt công tác phối hợp với gia đình và xã hội, đó là tiền đề giúp nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Nhà trường có mối quan hệ tốt với địa phương, chủ động tham mưu với cấp ủy địa phương, các ban ngành có sự phối hợp tốt với công an, dân quân trong việc đảm bảo an ninh trật tự trường học.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ***

*Mức 1:*

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

*Mức 2:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

*Mức 3:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường tiến hành tổ chức họp toàn thể Ban đại diện cha mẹ trẻ em và bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ em được 15 thành viên, gồm có 01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 thư ký và 12 ủy viên; Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận, thống nhất cao, chủ động phối hợp giữa nhà trường, địa phương và cha mẹ trẻ em đúng theo quy định tại Điều 9 của Thông tư 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ trẻ em có kế hoạch hoạt động từng năm học theo quy định [H4-4.1-02].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ em tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ thông qua các buổi họp đầu năm, giữa học kỳ và cuối năm [H4-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H4-4.1-02]. Hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương sách về giáo dục đối với cha mẹ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua buổi họp đầu năm học, bản tin của lớp, vận động cha mẹ trẻ tham dự nghe bác sĩ báo cáo chuyên đề tại trường và tư vấn hướng dẫn cha mẹ trẻ về cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ [H4-4.1-03]. Giáo viên và phụ huynh thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình sức khỏe, tình hình ăn ngủ của trẻ trong giờ đón-trả trẻ, sổ bé ngoan, sổ liên lạc để có sự thống nhất trong chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H4-4.1-04].

Mức 3:

Trong nhiều năm qua, Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo kế hoạch đề ra, phối hợp với nhà trường thực hiện các nhiệm vụ theo Thông tư 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: phối hợp với hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến Giáo dục Pháp luật, Chủ trương Chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em nhằm nâng cao trách nhiệm hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H4-4.1-04]. Tuy nhiên, đa số phụ huynh là công nhân lao động nên việc vận động hỗ trợ kinh phí cho công tác vận động xã hội hóa giáo dục chưa cao; một số phụ huynh chưa có nhiều thời gian chăm sóc, đưa đón con đến trường nên ít tham gia vào các cuộc họp và hoạt động của trường [H4-4.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các Ban đại diện cha mẹ trẻ em của lớp, của trường và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận, thống nhất cao.

**3. Điểm yếu**

Còn vài phụ huynh chưa tham gia họp đầy đủ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tổ chức các buổi chuyên đề để tuyên truyền đến phụ huynh những kiến thức về chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và phụ huynh, dùng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn để tạo sự quan tâm nhiều hơn của phụ huynh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

*Mức 2:*

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

*Mức 3:*

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng tham mưu phối hợp với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân thị trấn Hóc Môn trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi [H4-4.2-01]; phối hợp và ký kết quy chế với công an thị trấn Hóc Môn giữ gìn đảm bảo an ninh, an toàn trường học [H4-4.2-02].

b) Nhà trường tuyên truyền đến các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ trẻ nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về Chủ trương Chính sách của Đảng, Nhà nước; ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch bằng nhiều hình thức như: thông qua các cuộc họp phụ huynh, bản tuyên truyền của trường, lớp [H4-4.1-03].

c) Trường thường xuyên huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định [H4-4.2-04].

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn hỗ trợ 100% học phí cho trẻ thuộc hộ nghèo, trẻ thuộc dân tộc thiểu số theo quy định Nhà nước tạo điều kiện giúp trẻ tiếp tục đến trường [H4-4.2-03]. Hoàn thành hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi [H4-4.2-01]. Tham mưu với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân thị trấn, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn trang bị bổ sung cơ sở vật chất, xây dựng đơn vị văn hoá, trường học an toàn-an ninh, trật tự phục vụ tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ tại đơn vị, tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.8-04]; [H4-4.2-02]; [H4-4.2-05].

b) Trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: Ngày hội bé đến trường, tết Trung thu, Giỗ tổ Hùng Vương, dâng hương đài tưởng niệm…[H4-4.2-04]; [H4-4.2-06].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch tổ chức môi trường xanh-sạch-đẹp, giáo dục trẻ về nền văn hóa truyền thống, phong tục tập quán… để tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối với các tổ chức, đoàn thể thực hiện kế hoạch giáo dục, hoạt động lễ hội huy động các nguồn lực tạo điều kiện cho nhà trường phát triển.

**3. Điểm yếu**

Trường có phối hợp, có huy động được các các tổ chức, đoàn thể nguồn lực từ phụ huynh nhưng hiệu quả chưa cao nhất.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo hiệu trưởng huy động nhiều nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Kết luận về tiêu chuẩn 4**

**Điểm mạnh nổi bật**:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đàotạo ban hành và đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động của đơn vị. Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến Giáo dục Pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền, phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường, có mối liên hệ mật thiết với cha mẹ trẻ em và chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh, trật tự, tài sản, huy động được các nguồn lực giúp nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

**Điểm yếu cơ bản:**

Trườngchưa huy động được nhiều các nguồn lực từ phụ huynh.

**-** Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

**-** Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu:**

Nhà trường tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với điều kiện của nhà trường và đặc điểm tâm sinh lý của trẻ ở các lớp.

Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện cho trẻ trong các hoạt động giúp trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm phù hợp với độ tuổi. Giáo viên chăm sóc trẻ tận tình, chu đáo, giúp trẻ tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp, có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường và hình thành cho trẻ có thói quen tốt trong giữ gìn vệ sinh cá nhân, tạo tiền đề vững chắc cho trẻ chuẩn bị vào lớp một.

***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non***

*Mức 1:*

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

*Mức 2:*

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

*Mức 3:*

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đầu năm hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của trường Mầm non Bé Ngoan 1 theo năm, tháng, tuần và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.8-01]. Dựa trên kế hoạch của trường giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của lớp có nội dung cụ thể phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính khoa học theo nguyên tắc đồng tâm đi từ dễ đến khó, tính liên thông giữa các độ tuổi đúng theo Chương trình giáo dục mầm non quy định [H1-1.8-02].

b) Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm học, tùy tình hình nhận thức của trẻ trong nhóm, lớp và đặc điểm cơ sở vật chất của nhà trường, 100% giáo viên các lớp phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-GDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.8-01]; các lớp thực hiện kế hoạch đầy đủ trên phần mềm Mindjet MindManager, kịp thời cập nhật theo năm, tháng, tuần và giáo án cụ thể chuẩn bị cho việc tổ chức các hoạt động cho trẻ [H1-1.8-02].

c) Cuối học kỳ, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường kiểm tra, nhận xét, đánh giá kế hoạch giáo dục của giáo viên để kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-03]; Tuy nhiên, trong sinh hoạt chuyên môn còn một vài giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục[H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ đúng theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, trong quá trình giảng dạy, đội ngũ giáo viên linh hoạt trong phương pháp, sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy… giúp trẻ hứng thú tích cực tham gia học tập, phát triển toàn diện các lĩnh vực theo từng độ tuổi; việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường trong những năm qua được đánh giá mang tính khả thi, đảm bảo về chất lượng đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành học [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Hằng năm, trường tổ chức hướng dẫn giáo viên lựa chọn các mục tiêu, nội dung Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương; đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ tại nhóm, lớp [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01]. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi [H5-5.1-02].

Mức 3:

a) Nhà trường thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT sửa đổi Chương trình giáo dục mầm non kèm Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT đồng thời tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

b) Hằng năm hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H5-5.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có tổ chức thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch đảm bảo chất lượng phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục; đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ. Luôn định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để chỉ ra những ưu điểm, hạn chế. Từ đó có biện pháp điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường có áp dụng chương trình của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhưng hiệu quả chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 8 năm 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo đúng kế hoạch đề ra đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em, phù hợp với văn hoá địa phương. Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn thường xuyên dự giờ, tổ chức các buổi họp để giúp đồng nghiệp trong tổ xây dựng và điều chỉnh kế hoạch, nội dung giáo dục đúng với tinh thần chỉ đạo của ngành học, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đặc điểm của trẻ ở lớp nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị. Cán bộ quản lý nhà trường tham gia học tập, nắm bắt kịp thời và làm theo sự chỉ đạo trong việc áp dụng chương trình của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình giáo dục mầm non hiện nay.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ***

*Mức 1:*

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

*Mức 2:*

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

*Mức 3:*

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ Hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đội ngũ giáo viên biết dựa vào nội dung Chương trình giáo dục mầm non, mục tiêu cuối độ tuổi, bộ chuẩn phát triển trẻ năm tuổi để lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của trẻ, từ đó xây dựng giáo án với các hoạt động, phương pháp phù hợp với mục tiêu và khả năng của trẻ ở lớp, phù hợp với điều kiện nhà trường [H1-1.8-02].

b) Căn cứ vào điều kiện nhu cầu vui chơi học tập của trẻ, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm nhằm phát huy tính độc lập, khả năng sáng tạo của trẻ [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm, lớp như: hoạt động có chủ đích của giáo viên, hoạt động lễ hội, hoạt động tham quan, dã ngoại, hoạt động trong lớp, hoạt động ngoài trời, hoạt động cả lớp- nhóm-cá nhân [H5-5.2-01].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế, các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú, tạo điều kiện cho trẻ thí nghiệm, quan sát theo nhu cầu khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời, tham quan, dã ngoại. Tuy nhiên trường chưa tổ chức được nhiều chuyến tham quan, trải nghiệm ở nơi xa [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Nhà trường luôn đổi mới môi trường hoạt động trong và ngoài lớp học như: sắp xếp, trang trí không gian học tập của trẻ hợp lý, thẩm mỹ, thân thiện đối với trẻ; các khu vực chơi cho trẻ được thiết kế phù hợp, sắp xếp thuận tiện, đa dạng đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đảm bảo an toàn, sạch đẹp kích thích hứng thú của trẻ, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “Chơi mà học, học bằng chơi” đã đem lại hiệu quả đáp ứng khả năng nhu cầu vui chơi, trải nghiệm, khám phá của trẻ [H5-5.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức đa dạng đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường. Tổ chức tốt môi trường giáo dục trong và ngoài lớp theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ, tạo nhiều cơ hội cho trẻ tăng cường tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa tổ chức được nhiều chuyến tham quan, trải nghiệm ngoài nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ duy trì cải tạo môi trường thiên nhiên để tăng cường cho trẻ được hoạt động, tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục; cùng trẻ thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với lứa tuổi, khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ để thu hút lượng trẻ tham gia hoạt động cao hơn. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ cho giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy thu hút trẻ vào các hoạt động hiệu quả hơn. Giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh để phụ huynh hiểu và đồng thuận trong việc về đóng góp hỗ trợ đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị để hỗ trợ giáo viên tổ chức tốt môi trường hoạt động cho trẻ.

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phối hợp với cha mẹ trẻ để tổ chức tốt nhất các chuyến tham quan, trải nghiệm cho trẻ hoặc mời chuyên gia đến, hướng dẫn trẻ thực hành một số hoạt động thực hành, khám phá tại trường và ngoài nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe***

*Mức 1:*

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

*Mức 2:*

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

*Mức 3:*

*Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng sức khỏe cho bé; ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với Trạm y tế thị trấn chăm lo sức khỏe cho bé như tiêm ngừa vắc-xin sởi; phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ [H5-5.3-01].

b) Năm học 2024-2025 trường có 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02].

c) 100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, trẻ suy dinh dưỡng-dư cân-béo phì được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hàng tháng [H5-5.3-03]. Có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân-béo phì, kết hợp cho trẻ tăng cường vận động mỗi sáng theo lịch phân công [H5-5.3-03].

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
| trẻ thừa cân-béo phì | | | |  |  |
| đầu vào | 18/178 | 39/280 | 42/323 | 49/436 | 34/447 |
| đầu ra | 11/178 | 20/291 | 18/344 | 21/445 | 18/459 |
| phục hồi | 07/18 tỷ lệ 38,88% | 19/39 tỷ lệ 48,72% | 24/42 tỷ lệ 57.14% | 28/49 tỷ lệ 57.14% | 16/34 tỷ lệ 47.05%. |
| trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ | | | |  |  |
| đầu vào | 08/173 | 08/178 | 11/280 | 06/323 | 21/447 |
| đầu ra | 01/183 | 01/178 | 0/291 | 00/344 | 02/459 |
| phục hồi | 07/08 tỷ lệ 87,5% | 07/08 tỷ lệ 87,5% | 11/11 tỷ lệ 100% | 06/06 tỷ lệ 100% | 19/21 tỷ lệ 90.47%. |
| trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi | | | |  |  |
| đầu vào | 13/173 | 04/178 | 04/280 | 01/323 | 02/447 |
| đầu ra | 03/183 | 01/178 | 02/291 | 00/344 | 00/459 |
| phục hồi | 10/13 tỷ lệ 76,9% | 03/04 tỷ lệ 75% | 02/04 tỷ lệ 50% | 01/01 tỷ lệ 100% | 02/02 tỷ lệ 100% |
| trẻ suy dinh dưỡng mãn | | | |  |  |
| đầu vào | 07/173 | 02/178 | 01/280 | 00/323 | 00/447 |
| đầu ra | 01/183 | 01/178 | 0/291 | 00/344 | 00/447 |
| phục hồi | 06/07 tỷ lệ 85,71% | 01/02 tỷ lệ 50% | 01/01 tỷ lệ 100% | 00/00 tỷ lệ 00% | 00/00 tỷ lệ 100% |

Mức 2:

a) Nhà trường có tổ chức tư vấn, tuyên truyền, hướng dẫn cho cha mẹ trẻ với nội dung mang tính khả thi: chế độ ăn của trẻ; phòng, chống dịch bệnh theo mùa, nhà trường phối hợp với công ty sữa BABYCARE-GROW mời bác sĩ ở Trung tâm dinh dưỡng báo cáo chuyên đề “Phòng chống dịch bệnh”; “Chế độ ăn cho trẻ thừa cân béo phì; Phòng dịch bệnh Đậu mùa khỉ” [H5-5.3-01].

b) Chế độ dinh dưỡng của nhóm 25-36 tháng và lớp mẫu giáo ở trường cân đối, hợp lý, đảm bảo theo qui định; sử dụng phần mềm dinh dưỡng Vietec để tính khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ trong ngày, thực đơn đa dạng, phong phú và được thay đổi theo mùa, lượng nước uống cho trẻ trong ngày đảm bảo theo qui định [H5-5.3-04].

c) Trường tổ chức cho 100% trẻ suy dinh dưỡng ăn bổ sung giữa bữa; trẻ thừa cân, béo phì được tăng cường vận động sau thể dục sáng, giờ hoạt động vui chơi ngoài trời và ăn theo chế độ, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 [H5-5.3-03].

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
| trẻ thừa cân-béo phì | | |  |  |  |
| đầu vào | 18/178 | 39/280 | 42/323 | 49/436 | 34/447 |
| đầu ra | 11/178 | 20/291 | 18/344 | 21/445 | 18/459 |
| phục hồi | 07/18 tỷ lệ 38,88% | 19/39 tỷ lệ 48,72% | 24/42 tỷ lệ 57.14% | 28/49 tỷ lệ 57.14% | 16/34 tỷ lệ 47.05%. |
| trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ | | |  |  |  |
| đầu vào | 08/173 | 08/178 | 11/280 | 06/323 | 21/447 |
| đầu ra | 01/183 | 01/178 | 0/291 | 00/344 | 02/459 |
| phục hồi | 07/08 tỷ lệ 87,5% | 07/08 tỷ lệ 87,5% | 11/11 tỷ lệ 100% | 06/06 tỷ lệ 100% | 19/21 tỷ lệ 90.47%. |
| trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi | | |  |  |  |
| đầu vào | 13/173 | 04/178 | 04/280 | 01/323 | 02/447 |
| đầu ra | 03/183 | 01/178 | 02/291 | 00/344 | 00/459 |
| phục hồi | 10/13 tỷ lệ 76,9% | 03/04 tỷ lệ 75% | 02/04 tỷ lệ 50% | 01/01 tỷ lệ 100% | 02/02 tỷ lệ 100% |
| trẻ suy dinh dưỡng mãn | | |  |  |  |
| đầu vào | 07/173 | 02/178 | 01/280 | 00/323 | 00/447 |
| đầu ra | 01/183 | 01/178 | 0/291 | 00/344 | 00/447 |
| phục hồi | 06/07 tỷ lệ 85,71% | 01/02 tỷ lệ 50% | 01/01 tỷ lệ 100% | 00/00 tỷ lệ 00% | 00/00 tỷ lệ 100% |

Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá có 441/459 tỷ lệ 96.07% trẻ khỏe mạnh, bộ phận chuyên môn có kế hoạch can thiệp chế độ dinh dưỡng, chế độ vận động đối với trẻ suy dinh dưỡng cân nặng, trẻ thừa cân béo phì đến thời điểm báo cáo số lượng trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường tăng lên so với đầu năm [H5-5.3-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường phối hợp tốt với Bệnh viện, Trạm y tế chăm sóc sức khỏe, tiêm ngừa, phòng, chống dịch bệnh, trẻ phát triển bình thường theo độ tuổi đạt tỷ lệ trên 90%. Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp.

**3. Điểm yếu**

Tỷ lệ giảm thừa cân béo phì của trẻ chưa đạt so với qui định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 8 năm 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường trang bị thêm đồ dùng đồ chơi nhằm tăng cường cho trẻ vận động tại các khu vực sảnh và sân chơi. Điều chỉnh thực đơn và khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ thừa cân béo phì. Tuyên truyền đến cha mẹ trẻ chế độ dinh dưỡng hợp lý. Nâng cao nhận thức cho giáo viên và phụ huynh về chăm sóc trẻ thừa cân béo phì qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, truyền thông của trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục***

*Mức 1:*

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

*Mức 2:*

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95%; đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

*Mức 3:*

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Giáo viên phối hợp tốt với phụ huynh nhằm vận động trẻ đi học đảm bảo tỷ lệ chuyên cần trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi đạt trên 95%, trẻ dưới 5-6 tuổi 90% [H5-5.4-01].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ Chương trình giáo dục mầm non dành cho trẻ 5 tuổi theo quy định: cuối năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 trẻ 5 tuổi đạt 100% hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non; qua đó giúp trẻ phát triển các chức năng tâm sinh lý, những kỹ năng sống cần thiết và phù hợp với lứa tuổi nhằm chuẩn bị tốt tâm lý cho trẻ vào lớp một [H5-5.4-02].

c) Từ năm học 2019-2020 đến nay trường không có trẻ khuyết tật nhưng nhà trường quan tâm giáo dục chăm sóc trẻ và có kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Giáo viên phối hợp tốt với phụ huynh nhằm vận động trẻ đi học đảm bảo tỷ lệ chuyên cần trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi đạt trên 95%, trẻ dưới 5-6 tuổi 90% [H5-5.4-01].

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95% [H5-5.4-02].

c) Trong 5 năm nhà trường không có trẻ khuyết tật.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97% [H5-5.4-02].

b) Trong 5 năm nhà trường không có trẻ khuyết tật.

**2. Điểm mạnh**

Trẻ 5 tuổi đảm bảo chuyên cần trên 95% và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100%.

**3. Điểm yếu**

Còn vài trẻ nghỉ học do cha mẹ cho trẻ về quê, tham quan du lịch, dịch bệnh… nên tỷ lệ chuyên cần của 5 tuổi còn thấp so với trường bạn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2025 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì việc theo dõi đánh giá thường xuyên theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non, tăng cường công tác tuyên truyền vận động phụ huynh cho trẻ đi học thường xuyên, để nâng cao tỷ lệ chuyên cần của trẻ hơn nữa.

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 3.

**Kết luận tiêu chuẩn 5**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Trẻ được phát triển tốt về thể chất và tinh thần theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đa số trẻ có nề nếp, thói quen, kỹ năng tốt trong các hoạt động học tập, vui chơi, lao động, vệ sinh. Trẻ mạnh dạn, tự tin, tích cực tham gia vào các hoạt động.

Nhà trường thực hiện tốt chế độ ăn uống hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng và có tổ chức cho trẻ béo phì luyện tập bằng nhiều hình thức phong phú phù hợp theo độ tuổi.

Nhà trường thực hiện tốt công tác vận động trẻ ra lớp và duy trì sỉ số trẻ em, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và hằng năm đều có báo cáo kết quả về nội dung đánh giá trẻ.

**Điểm yếu cơ bản:**

Tỷ lệ giảm thừa cân béo phì của trẻ chưa đạt so với qui định.

Nhà trường chưa áp dụng chương trình của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

**PHẦN III**

**KẾT LUẬN CHUNG**

Trong thực hiện báo cáo tự đánh giá đã giúp trường Mầm non Bé Ngoan 1 một lần nữa khẳng định với xã hội, với phụ huynh và các cơ quan quản lý cấp trên về chất lượng, năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại đơn vị.

Qua tự đánh giá tại đơn vị, kết quả đạt được qua các chỉ báo, các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 25/25 tỉ lệ: 100%.

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/25 tỉ lệ: 0%.

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 25/25 tỉ lệ: 100%.

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 00/25 tỉ lệ: 0%.

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 07/19 tỉ lệ: 36,8%.

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 12/19 tỉ lệ: 63,2%.

- Mức đánh giá của Trường Mầm non Bé Ngoan 1: Mức 2.

- Trường Mầm non Bé Ngoan 1 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và chuẩn quốc gia Mức độ 1./.

*Hóc Môn, ngày 25 tháng 2 năm 2025*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  *(Đã ký)*  **Nguyễn Thị Kim Sa** |

**PHẦN IV- PHỤ LỤC**

**DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú**  **(**Nơi lưu trữ**)** |
| **Tiêu chí 1.1** | 1 | [H1-1.1-01] | Báo cáo Chiến lược phát triển của trường mầm non giai đoạn 2021-2025. | Giai đoạn 2021-2025. | Phòng Giáo dục và Đào tạo Hóc Môn | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H1-1.1-02] | Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị trấn | Năm 2021-2025 | Đảng ủy thị trấn | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H1-1.1-03] | Hình ảnh niêm yết kế hoạch Chiến lược phát triển của trường mầm non giai đoạn 2021-2025.  Biên bản bổ sung chiến lược hàng năm | Năm 2021-2025 | Trường Mầm non Bé Ngoan 1 | Phòng truyền thống. |
| 4 | [H1-1.1-04] | Kế hoạch năm học, sổ họp hội đồng sư phạm, sổ Liên tịch + Thi đua | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 1.2** | 1 | [H1-1.2-01] | Quyết định thành lập Hội đồng trường | Năm 2021-2025 | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H1-1.2-02] | Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh  Tuyển sinh | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H1-1.2-03] | Quyết định thành lập Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm  Chấm sáng kiến | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
|  | [H1-1.2-04] | Quyết định thành lập Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường  Hồ sơ chấm giáo viên giỏi | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
|  | [H1-1.2-05] | Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 4 | [H1-1.2-06] | Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học  Biên bản họp của Hội đồng thi đua | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| Tiêu chí 1.3 | 1 | [H1-1.3-01] | Hồ sơ chi bộ (Các Quyết định chuẩn y, Nghị quyết, Kế hoạch, biên bản, hình ảnh, giấy khen...) | Năm 2021-2025 | Chi bộ trường  Mầm non Bé Ngoan 1 | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H1-1.3-02] | Hồ sơ công đoàn (Các Quyết định chuẩn y, Nghị quyết, Kế hoạch, biên bản, hình ảnh CB, GV, NV tham quan, giấy khen, hồ sơ công đoàn, hồ sơ nữ công...) | Năm 2021-2025 | Công đoàn trường  Mầm non Bé Ngoan 1 | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H1-1.3-03] | Hồ sơ đoàn thanh niên (Các Quyết định chuẩn y, Nghị quyết, Kế hoạch, biên bản, giấy khen...) | Năm 2021-2025 | Chi đoàn trường  Mầm non Bé Ngoan 1 | Phòng truyền thống. |
| 4 | [H1-1.3-04] | Hồ sơ Hội Chữ thập đỏ | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 5 | [H1-1.3-05] | Hồ sơ Hội Khuyến học | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | [H1-1.4-01] | Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng  Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục  Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng phụ trách nuôi dưỡng  Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ | Năm 2021-2025 | Phòng GD&ĐT  Huyện Hóc Môn | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H1-1.4-02] | Quyết định thành lập các tổ | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H1-1.4-03] | Kế hoạch năm của các tổ  Kế hoạch, hình ảnh các chuyên đề của tổ | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 4 | [H1-1.4-04] | Hồ sơ sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ văn phòng  Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 5 | [H1-1.4-05] | Hồ sơ thực hiện chuyên đề cấp quận huyện cấp trường | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | [H1-1.5-01] | Hồ sơ quản lý học sinh  Sổ Kiểm diện  Hồ sơ trẻ khuyết tật | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 1.6** | 1 | [H1-1.6-01] | Phiếu đánh giá công chức, viên chức; chuẩn nghề nghiệp | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H1-1.6-02] | Hồ sơ thi đua | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H1-1.6-03] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 4 | [H1-1.6-04] | Sổ công văn đi, đến | Năm 2021-2025 | Văn thư | Phòng truyền thống. |
| 5 | [H1-1.6-05] | Hồ sơ,báo cáo quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất | Năm 2021-2025 | Kế toán | Phòng Kế toán |
| 6 | [H1-1.6-06] | Hồ sơ quản lý bán trú | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 7 | [H1-1.6-07] | Hồ sơ quyết toán  Biên bản kết quả tài chính huyện Hóc Môn kiểm tra | Năm 2021-2025 | Kế toán | Phòng Kế toán |
| 8 | [H1-1.6-08] | Hồ sơ công khai và biên bản kiểm tra tài chính, tài sản | Năm 2021-2025 | Kế toán | Phòng Kế toán |
| 9 | [H1-1.6-09] | Quy chế chi tiêu nội bộ | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng Kế toán |
| 10 | [H1-1.6-10] | Các phần mềm quản lý hành chính: Phần mềm quản lý cán bộ công chức; Phần mềm EPMIS; Phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục; Phần mềm phổ cập giáo dục | Năm 2021-2025 | Kế toán  Văn thư | Phòng Kế toán  Phòng hành chính |
| 11 | [H1-1.6-11] | Các phần mềm quản lý tài chính, tài sản: Phần mềm quản lý tài sản; Phần mềm kế toán IMAS | Năm 2021-2025 | Kế toán | Phòng Kế toán |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | [H1-1.7-01] | Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên cán bộ giáo viên  Hồ sơ Bồi dưỡng chuyên môn của 02 phó hiệu trưởng | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H1-1.7-02] | Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H1-1.7-03] | Hồ sơ quy chế dân chủ | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 1.8** | 1 | [H1-1.8-01] | Kế hoạch giáo dục của nhà trường, các biên bản kiểm tra  Báo cáo tổng kết nhà trường | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H1-1.8-02] | Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non của giáo viên  Báo cáo chuyên môn  Nhận xét, đánh giá trẻ của giáo viên | Năm 2021-2025 | Giáo viên | Các lớp. |
| 3 | [H1-1.8-03] | Hồ sơ quản lý chuyên môn | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 4 | [H1-1.8-04] | Bằng khen, giấy khen  Biên bản dự giờ, kiểm tra | Năm 2021-2025 | Ủy ban nhân dân huyện, hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 1.9** | 1 | [H1-1.9-01] | Hồ sơ hội nghị cán bộ công chức | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H1-1.9-02] | Biên bản họp hội đồng thi đua  Báo cáo quy chế dân chủ | Năm 2021-2025 | Ban thanh tra nhân dân | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | [H1-1.10-01] | Phương án an toàn phòng, chống tai nạn thương tích, phòng, chống cháy nổ | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H1-1.10-02] | Phương án phòng dịch bệnh | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H1-1.10-03] | Phương án phòng, chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 4 | [H1-1.10-04] | Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm | Năm 2021-2025 | Y tế | Phòng truyền thống. |
| 5 | [H1-1.10-05] | Hình ảnh hộp thư góp ý, đường dây nóng | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 6 | [H1-1.10-06] | Hồ sơ tiếp công dân | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 7 | [H1-1.10-07] | Biên bản phổ biến, hướng dẫn thực hiện các phương án: Đảm bảo an ninh trật tự; Vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy nổ; An toàn phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | [H2-2.1-01] | Văn bằng, chứng chỉ của nhân viên | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | [H2-2.2-01] | Văn bằng, chứng chỉ của nhân viên | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H2-2.2-02] | Bảng đánh giá xếp loại viên chức, báo cáo tổng kết  Hồ sơ nhân sự | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 2.3** | 1 | [H2-2.3-01] | Kế hoạch phân công | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H2-2.3-02] | Hồ sơ nhân sự | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H2-2.3-03] | Danh sách tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn của nhân viên | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 3.1** | 1 | [H3-3.1-01] | Hồ sơ xây dựng trường | Năm 2021-2025 | Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H3-3.1-02] | Hình ảnh biển tên trường, khuôn viên, các khu vực xung quanh tường rào | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H3-3.1-03] | Hình ảnh các khu vui chơi ngoài trời  Hồ sơ bản vẽ xây dựng trường | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 4 | [H3-3.1-04] | Hình ảnh các khu vui chơi ngoài trời  Hồ sơ bản vẽ xây dựng trường | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 5 | [H3-3.1-05] | Hình ảnh đồ chơi ngoài trời  Danh mục đồ chơi ngoài trời, hồ sơ quản lý tài sản, biên bản kiểm tra sửa chữa đồ chơi ngoài trời | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 3.2** | 1 | [H3-3.2-01] | Hình ảnh các phòng học  Hồ sơ bản vẽ xây dựng trường | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H3-3.2-02] | Hình ảnh các phòng sinh hoạt chung và trang thiết bị  Bản vẽ xây dựng trường; hồ sơ quản lý tài sản | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H3-3.2-03] | Hình ảnh các phòng chức năng và trang thiết bị  Bản vẽ xây dựng trường; hồ sơ quản lý tài sản | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 4 | [H3-3.2-04] | Hồ sơ bản vẽ xây dựng trường; hồ sơ quản lý tài sản | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 5 | [H3-3.2-05] | Hình ảnh phòng lưu trữ hồ sơ, tủ, kệ đựng hồ sơ các phòng ban | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 3.3** | 1 | [H3-3.3-01] | Hình ảnh các phòng ban | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H3-3.3-02] | Hình ảnh trang thiết bị các phòng ban  Hồ sơ quản lý tài sản; báo cáo tài sản của kế toán, lớp | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H3-3.3-03] | Hình ảnh nhà xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 3.4** | 1 | [H3-3.4-01] | Hình ảnh nhà bếp | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H3-3.4-02] | Hình ảnh kho thực phẩm  Biên bản kiểm tra kho của nhà trường | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H3-3.4-03] | Hình ảnh tủ lạnh lưu nghiệm thức ăn | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 4 | [H3-3.4-04] | Hình ảnh qui trình bếp 01 chiều  Hồ sơ bản vẽ xây dựng trường; giấy chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 5 | [H3-3.4-05] | Hình ảnh đồ dùng, trang thiết bị trong nhà bếp  Hồ sơ QLTS; BCTS của kế toán | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 6 | [H3-3.4-06] | Hình ảnh hệ thống hút khói  Hồ sơ quản lý tài sản; báo cáo tài sản của kế toán | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 7 | [H3-3.4-07] | Hình ảnh các bảng biểu nhà bếp | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 8 | [H3-3.4-08] | Hợp đồng nước uống CWATER và xét nghiệm nước  Hợp đồng xử lý rác  Hồ sơ quản lý tài sản | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | [H3-3.5-01] | Danh mục đồ dùng đồ chơi các lớp, sổ tài sản, hình ảnh đồ dùng, đồ chơi trong lớp | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H3-3.5-02] | Hình ảnh đổ dùng, đồ chơi ngoài qui định; đồ chơi tự làm  Danh mục đồ dùng đồ chơi ngoài qui định, sổ tài sản các lớp | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H3-3.5-03] | Hồ sơ kiểm kê, sửa chữa, thanh lý tài sản | Năm 2021-2025 | Kế toán | Phòng Kế toán. |
| 4 | [H3-3.5-04] | Hình ảnh máy tính các phòng ban  Hồ sơ quản lý tài sản; báo cáo tài sản cố định; tài sản công cụ dụng cụ; hợp đồng kết nối mạng Internet | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 5 | [H3-3.5-05] | Hình ảnh máy tính các lớp  Hồ sơ quản lý tài sản; sổ tài sản các lớp hoặc biên bản bàn giao tài sản cho các lớp. | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 6 | [H3-3.5-06] | Hình ảnh trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ.  Sổ theo dõi tài sản, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi của nhóm, lớp; biên bản kiểm kê tài sản. | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 7 | [H3-3.5-07] | Hình ảnh bổ sung, thay thế đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục  Sổ theo dõi mua sắm của trường hoặc biên bản kiểm kê tài sản, sổ tài sản các nhóm, lớp, bộ phận | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 3.6** | 1 | [H3-3.6-01] | Hình ảnh nhà vệ sinh các lớp, cán bộ, giáo viên, nhân viên  Hồ sơ thiết kế xây dựng | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H3-3.6-02] | Hình ảnh nhà vệ sinh các phòng chức năng  Hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường; báo cáo tài sản; biên bản kiểm kê tài sản. | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H3-3.6-03] | Hình ảnh hệ thống thoát nước, cống rãnh  Hợp đồng khai thông cống rảnh; bản vẽ xây dựng trường | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 4 | [H3-3.6-04] | Phiếu xét nghiệm nước  Hợp đồng nước Lemont của Công ty nước cổ phần Tân Sơn, số 26 Trần Thái Tông, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh  Hợp đồng nước sạch Công ty cổ phần cấp nước Trung An; hợp đồng và phiếu xét nghiệm nước uống | Năm 2021-2025 | Y Tế | Phòng truyền thống. |
| 5 | [H3-3.6-05] | Hợp đồng thu gom rác thải  Biên bản kiểm tra vệ sinh môi trường; biên bản kiểm tra của cấp trên | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 6 | [H3-3.6-06] | Hình ảnh thùng rác ở hành lang các lớp  Biên bản kiểm tra vệ sinh môi trường; hồ sơ tài sản | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 7 | [H3-3.6-07] | Hình ảnh trang thiết bị nhà vệ sinh  Hồ sơ bản vẽ; sổ tài sản các nhóm, lớp và bộ phận; báo cáo tài chính về tài sản | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 8 | [H3-3.6-08] | Hình ảnh nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên  Hồ sơ bản vẽ; sổ tài sản các nhóm, lớp và bộ phận; báo cáo tài chính về tài sản | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 9 | [H3-3.6-09] | Hình ảnh khu tập trung rác thải  Biên bản kiểm tra vệ sinh môi trường; báo cáo tài sản; biên bản kiểm kê tài sản; hợp đồng thu gom rác; hồ sơ bản vẽ | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 4.1** | 1 | [H4-4.1-01] | Danh sách Ban đại diện cha mẹ trẻ.  BB, nghị quyết BĐD CMHS | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H4-4.1-02] | Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ trẻ em | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H4-4.1-03] | Hình ảnh Cha mẹ trẻ nghe báo cáo chuyên đề. | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 4 | [H4-4.1-04] | Hình ảnh minh họa tuyên truyền đến phụ huynh | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 4.2** | 1 | [H4-4.2-01] | Hồ sơ phổ cập Giáo dục mầm non | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 2 | [H4-4.2-02] | Quy chế phối hợp với công an xã Thị trấn. | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 3 | [H4-4.2-03] | Hồ sơ giảm học phí trẻ hộ nghèo, cận nghèo | Năm 2021-2025 | Kế toán | Phòng Kế toán |
| 4 | [H4-4.2-04] | Báo cáo tổng kết; kế hoạch phối hợp | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 5 | [H4-4.2-05] | Văn bản đề xuất trang bị cơ sở vật chất xây dựng trường chuẩn quốc gia | Năm 2021-2025 | Hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| 6 | [H4-4.2-06] | Kế hoạch hoạt động lễ hội, sự kiện | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 5.1** | 1 | [H5-5.1-01] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ; biên bản kiểm tra, báo cáo của nhà trường | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 5.2** | 1 | [H5-5.2-01] | Hình ảnh hoạt động của trẻ  Hình ảnh hoạt động lễ hội, sự kiện, tham quan dã ngoại.  Nhận xét đánh giá trẻ của GV, BC chuyên môn; BB kiểm tra. | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 5.3** | 1 | [H5-5.3-01] | Hồ sơ y tế | Năm 2021-2025 | Y tế | Phòng truyền thống. |
|  | 2 | [H5-5.3-02] | Sổ theo dõi sức khoẻ trẻ em | Năm 2021-2025 | Y tế | Phòng truyền thống. |
|  | 3 | [H5-5.3-03] | Hồ sơ phòng, chống suy dinh dưỡng, thừa cân-béo phì | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
|  | 4 | [H5-5.3-04] | Sổ thực đơn  Bảng tính giá trị dinh dưỡng của trẻ; hồ sơ hợp đồng thực phẩm | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
| **Tiêu chí 5.4** | 1 | [H5-5.4-01] | Bảng tổng hợp chuyên cần của trẻ | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |
|  | 2 | [H5-5.4-02] | Danh sách trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non | Năm 2021-2025 | Phó hiệu trưởng | Phòng truyền thống. |